

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 02 - 2021.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Văn Lợi**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Liệu**.

2. Ông **Dương Văn Hạnh**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thùy Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Hữu Thọ** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 412/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Huyền Tr** – sinh năm: 1991.

Địa chỉ: 76A CG, phường 4, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Như T** – sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Ấp 1, xã PN, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

(chị Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền Tr trình bày:

Chị và anh **Nguyễn Như T** tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013 và được Ủy ban nhân dân xã PN cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/11/2013. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong vấn đề kinh tế gia đình. Ngoài ra, anh T lo ăn chơi, không quan tâm đến vợ con. Do đó trong cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Từ tháng 8/2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau. Trong thời gian ly thân, cả

hai không thăm hỏi lẫn nhau. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Như T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là:

- Nguyễn Như Bảo A – sinh ngày: 30/5/2017.

- Nguyễn Như Bảo Â – sinh ngày: 17/8/2018.

Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Như T: Mặc dù khi thụ lý và tiến hành các hoạt động tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập anh T đến Tòa án làm việc nhưng anh T không đến Tòa án để thể hiện nguyện vọng của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Tr đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của chị Tr và anh T (bản sao); Sổ hộ khẩu của chị Tr và anh T (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Trích lục khai sinh của con chung (bản sao); Bản tự khai ngày 22/10/2020 của chị Nguyễn Thị Huyền Tr (bản chính); Đơn xin xác nhận ngày 22/10/2020 của chị Nguyễn Thị Huyền Tr (bản chính); Hợp đồng lao động (photo); Phiếu lương (bản chính). Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản xác minh ngày 11/11/2020 đối với ông Đinh Công T1.

Các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị Tr và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tr, cho chị Nguyễn Thị Huyền Tr được ly hôn với anh Nguyễn Như T.

+ Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là Nguyễn Như Bảo A – sinh ngày: 30/5/2017 và Nguyễn Như Bảo Â – sinh ngày: 17/8/2018 cho chị Nguyễn Thị Huyền Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Tr không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr không yêu cầu giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh T nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

+ Về án phí: Đề nghị buộc chị Nguyễn Thị Huyền Tr phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn anh Nguyễn Như T. Anh T đang cư trú tại huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Chị Nguyễn Thị Huyền Tr và anh Nguyễn Như T là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng chị Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị Tr và anh T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh T tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PN vào ngày 14/11/2013. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn với anh T thì Tòa án áp dụng các Điều 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Tr yêu cầu ly hôn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong vấn đề kinh tế gia đình và anh T lo ăn chơi, không quan tâm đến vợ con.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập anh T đến Tòa án để hòa giải nhưng anh T không đến để làm việc. Điều này thể hiện ý chí của anh T không muốn hàn gắn, đoàn tụ. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau (bút lục 35 – 36).

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy để chị Tr có điều kiện ổn định cuộc sống của mình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Tr là cho chị được ly hôn với anh T là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị Tr và anh T có 02 con chung là:

- Nguyễn Như Bảo A – sinh ngày: 30/5/2017.

- Nguyễn Như Bảo Á – sinh ngày: 17/8/2018.

Chị Tr yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét thấy, bản thân chị Tr có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hơn nữa, từ khi chị Tr và anh T sống ly thân đến nay, các con chung sống cùng chị Tr. Vì vậy để tránh xáo trộn cuộc sống của các con chung nên tiếp tục giao 02 con chung cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Tr không yêu cầu.

Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh T nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Nguyễn Thị Huyền Tr chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

[6]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 11, 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền Tr.

Cho chị Nguyễn Thị Huyền Tr được ly hôn anh Nguyễn Như T.

2. Về con chung: Chị Tr và anh T có 02 con chung là:

- Nguyễn Như Bảo Á – sinh ngày: 30/5/2017.

- Nguyễn Như Bảo Á – sinh ngày: 17/8/2018.

Giao 02 con chung cho chị Nguyễn Thị Huyền Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Như T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích

của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Tr đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0005398 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Tr và anh T có quyền có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Ủy ban nhân dân xã PN: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 07, cấp ngày 14/11/2013);
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Lợi